

Bản án số: 84/2018/HSST
Ngày: 12/10/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bảy

Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 77/2018/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXXST – HS ngày 27 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đình G, sinh năm 1986 tại H.

Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện P2, tỉnh H; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: .../12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình N và bà Vũ Thị L; Tiền án: 03

- Ngày 31/5/2010 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 26/4/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”

- Ngày 02/02/2015 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B2 xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2018 cho đến nay. (Có mặt)

- Bị hại: Anh Hồ Xuân C, sinh năm 1974 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh B2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài nên Nguyễn Đình G đã chuẩn bị 01 thanh sắt phá khóa tự chế mang theo trong người. Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 10/6/2018 bị cáo G đi nhờ xe của một người không rõ nhân thân lai lịch từ Làng Mông thuộc xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông đến xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Khi đến khu vực ngã ba “Chuồng Trâu” thuộc thôn 1, xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước thì bị cáo G xuống xe, đi bộ đến chùa “Thanh Đồng” tại thôn 2, xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Tại đây, bị cáo G nhìn thấy hai chiếc xe mô tô dựng trong sân chùa không có người trông coi. Bị cáo G đi lại gần chiếc xe mô tô mang biển số 77F5-6..... của anh Hồ Xuân C, dùng thanh sắt đã chuẩn bị trước để phá khóa. Sau đó bị cáo điều khiển xe về hướng xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập. Trên đường đi đến khu vực “Cầu Mới” thì G dừng xe tháo biển số ném xuống cầu rồi tiếp tục điều khiển xe đến xã Đăk Ô chơi. Đến ngày 12/6/2018 Công an huyện Bù Đăng phát hiện bắt giữ người cùng phương tiện phạm tội.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 41/KL – GD ngày 13/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Đăng xác định: Chiếc xe mô tô biển số 77F5 – 6..... tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị 2.200.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình nêu trên. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với các bị cáo.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số 77F5 – 6..... đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp; 01 thanh sắt màu đen dài khoảng 6cm, một đầu nhọn, một đầu hình lục giác.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số: 71/CT – VKS.BĐ ngày 04/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nguyễn Đình G về “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình G phạm “Tội trộm cắp tài sản”; về hình phạt, áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173, điểm s Khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Đình G từ 02 đến 03 năm tù.

Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét.

Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 01 thanh sắt màu đen dài khoảng 6cm, một đầu nhọn, một đầu hình lục giác.

Bị cáo Nguyễn Đình G thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 10/6/2018 bị cáo G mang theo 01 thanh sắt phá khóa tự chế đi đến chùa Thanh Đồng thuộc thôn 2, xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Tại đây, bị cáo G đã có hành vi dùng thanh sắt lén lút phá khóa chiếm đoạt chiếc xe mô tô mang biển số 77F5-6..... của anh Hồ Xuân C.

Trị giá Chiếc xe mô tô biển số 77F5 – 6..... bị chiếm đoạt tại thời điểm xảy ra tội phạm là 2.200.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Đình G đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Do bị cáo có 02 tiền án về các tội “Trộm cắp tài sản” và 01 tiền án về tội “Giữ người trái pháp luật” chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung “tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a).....

g) Tái phạm nguy hiểm.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn được hưởng thụ, Bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu, có ba tiền án đã bị xử lý nhưng chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện bản tính coi thường pháp luật của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Chiếc xe mô tô 77F – 6..... đã được trả lại cho anh Hồ Xuân C, là chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ Khoản 1 Điều 47, Khoản 1 Điều 48 Bộ Luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015. Cần tịch thu tiêu hủy 01 (một) thanh sắt màu đen dài 6cm, một đầu nhọn, một đầu hình lục giác.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình G phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 173, điểm s Khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình G 03 (ba) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 13/6/2018.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47, Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) thanh sắt màu đen dài 6cm, một đầu nhọn, một đầu hình lục giác.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long